

MA TRẬN, ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 - MÔN SINH HỌC 10 (CTST)
THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

CẤU TRÚC

1. Mức độ đề: 40% nhận biết; 30% thông hiểu; 30% vận dụng.

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 ĐIỂM)

1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn; 1 lựa chọn đúng/đúng nhất: 12 câu = 3,0 điểm. (8 câu Biết (2,0 đ), 4 câu Hiểu (1,0 đ))
2. Trắc nghiệm dạng Đúng/Sai: 2 câu = 8 ý = 2,0 điểm (4 lệnh Biết (1,0 đ), 2 lệnh Hiểu (0,50 đ), 2 lệnh Vận dụng (0,5 đ))
3. Trắc nghiệm dạng trả lời ngắn: 4 câu = 2,0 điểm (2 câu Biết (1,0 đ), 1 câu Hiểu (0,5 đ), 1 câu Vận dụng (0,50 đ))

PHẦN II. TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM)

Tự luận: 3 câu = 3,0 điểm. (Câu vận dụng có thể chia thành nhiều lệnh hỏi a), b) ..., trong đó có 1 đến 2 lệnh cấp độ Hiểu (tổng 1,00 đ) và 2 đến 4 lệnh hỏi cấp độ Vận dụng (tổng 2,00 đ))

I> MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2 – MÔN SINH HỌC 10

| TT | Chủ đề/Chương | Nội dung/đơn vị kiến thức | Mức độ đánh giá | | | | | | | | | | | | Tổng | | | Tỉ lệ % điểm |
|--------------|---|--|-----------------|------|----------|--------------|------|----------|--------------|------|----------|---------|------|----------|------|------|----------|--------------|
| | | | TNKQ | | | | | | | | | Tự luận | | | | | | |
| | | | Nhiều lựa chọn | | | “Đúng - Sai” | | | Trả lời ngắn | | | | | | | | | |
| | | | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng | |
| 1 | Chủ đề 1 Chu kì tế bào, phân bào và công nghệ tế bào (10 tiết) | Chu kì tế bào (1 tiết) | 2 | | | | | | 1 | | | | 1 | | 3 | 0 | | 10 |
| | | Quá trình phân bào((5 tiết) | 1 | 3 | | 2 | 1 | 1 | | | 1 | | | 1 | 3 | 4 | 2 | 35 |
| | | Công nghệ tế bào (2 tiết) | 4 | | | | | | 1 | | | | | | 5 | | | 15 |
| 2 | Chủ đề 2 Vi sinh vật và ứng dụng (5 tiết) | Khái quát về vi sinh vật (2 tiết) | 1 | 1 | | | | | 1 | | | | | | 1 | 2 | | 10 |
| | | Quá trình tổng hợp và phân giải ở vi sinh vật. (2 tiết) | | | | 2 | 1 | 1 | | | | | | 1 | 2 | 1 | 2 | 20 |
| Tổng số câu | | | 8 | 4 | | 4 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | | 1 | 2 | 14 | 7 | 4 | 100 |
| Tổng số điểm | | | 3,0 | | | 2,0 | | | 2,0 | | | 3,0 | | | 4,0 | 3,0 | 3,0 | |
| Tỉ lệ % | | | 30 | | | 20 | | | 20 | | | 30 | | | 40 | 30 | 30 | |

BẢN ĐẶC TẢ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 - SINH HỌC 10

| TT | Chủ đề/ Chương | Nội dung/đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá | | | | | | | | | | | |
|----|---|------------------------------------|---|----------------------------------|------|----------|---------------------|------|----------|---------------------|------|----------|---------|------|----------|
| | | | | TNKQ | | | | | | | | | Tự luận | | |
| | | | | <i>Nhiều lựa chọn</i> | | | <i>“Đúng - Sai”</i> | | | <i>Trả lời ngắn</i> | | | | | |
| | | | | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |
| 1 | Chủ đề 1 Chu kì tế bào và phân bào | Chu kì tế bào | * Nhận biết: - Nêu được khái niệm và các giai đoạn trong chu kì tế bào. - Dựa vào sơ đồ, trình bày được các giai đoạn và mối quan hệ giữa các giai đoạn trong chu kì tế bào. | 2 | | | | | | 1 | | | | | |
| | | | * Thông hiểu: - Giải thích được sự phân chia tế bào một cách không bình thường có thể dẫn đến ung thư. Trình bày được một số thông tin về bệnh ung thư ở Việt Nam. Nêu được một số biện pháp phòng tránh ung thư. | | | | | | | | | | | 1 | |
| | | Quá trình phân bào | * Nhận biết: - Nêu được các giai đoạn trong giảm phân - Trình bày một số nhân tố ảnh hưởng đến quá trình giảm phân. | 1 | | | 2 | | | | | | | | |
| | | | * Thông hiểu: - Lập được bảng so sánh quá trình nguyên phân và quá trình giảm phân. - Dựa vào cơ chế nhân đôi và phân li của nhiễm sắc thể để giải thích được quá trình nguyên phân là cơ | | 3 | | | 1 | | | | | | | |

| TT | Chủ đề/ Chương | Nội dung/đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá | | | | | | | | | | | |
|----|-------------------|------------------------------------|--|----------------------------------|------|-------------|---------------------|------|-------------|---------------------|------|-------------|---------|------|-------------|
| | | | | TNKQ | | | | | | | | | Tự luận | | |
| | | | | <i>Nhiều lựa chọn</i> | | | <i>“Đúng - Sai”</i> | | | <i>Trả lời ngắn</i> | | | | | |
| | | | | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |
| | | | chế sinh sản của tế bào. - Dựa vào cơ chế nhân đôi và phân li của nhiễm sắc thể để giải thích được quá trình giảm phân, thụ tinh cùng với nguyên phân là cơ sở của sinh sản hữu tính ở sinh vật. | | | | | | | | | | | | |
| | | | * Vận dụng: - Vận dụng kiến thức về giảm phân vào giải thích một số vấn đề trong thực tiễn. - Thực hành làm được tiêu bản nhiễm sắc thể để quan sát quá trình nguyên phân (hành tây, hành ta, đại mạch, cây tỏi, lay ơn, khoai môn,...). - Làm được tiêu bản quan sát quá trình giảm phân ở tế bào động vật, thực vật (châu chấu đực, hoa hành,...). | | | | | | 1 | | 1 | | | 1 | |
| | | Công nghệ tế bào | * Nhận biết: - Nêu được khái niệm, nguyên lí và thành tựu của công nghệ tế bào thực vật. - Nêu được khái niệm, nguyên lí và thành tựu công nghệ tế bào động vật. | 4 | | | | | | 1 | | | | | |

| TT | Chủ đề/ Chương | Nội dung/đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá | | | | | | | | | | | |
|----|-------------------------------------|---|--|----------------------------------|------|----------|---------------------|------|----------|---------------------|------|----------|---------|------|----------|
| | | | | TNKQ | | | | | | | | | Tự luận | | |
| | | | | <i>Nhiều lựa chọn</i> | | | <i>“Đúng - Sai”</i> | | | <i>Trả lời ngắn</i> | | | | | |
| | | | | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |
| 2 | Chủ đề 2 Sinh học vi sinh vật | Khái quát về vi sinh vật | * Nhận biết: - Nêu được khái niệm vi sinh vật. - Kể tên được các nhóm vi sinh vật. - Kể tên được các kiểu dinh dưỡng ở vi sinh vật. - Nêu được một số phương pháp nghiên cứu vi sinh vật | 1 | | | | | | | | | | | |
| | | | * Thông hiểu - Phân biệt được các kiểu dinh dưỡng ở vi sinh vật. - Thực hành được một số phương pháp nghiên cứu vi sinh vật. | | 1 | | | | | | 1 | | | | |
| | | | * Vận dụng - Vận dụng hiểu biết một số phương pháp nghiên cứu vi sinh vật thông dụng vào giải thích hiện tượng thực tiễn. | | | | | | | | | | | | |
| | | Quá trình tổng hợp và phân giải ở vi sinh vật | * Nhận biết: - Nêu được một số ví dụ về quá trình tổng hợp và phân giải các chất ở vi sinh vật. - Nêu được khái niệm sinh trưởng ở vi sinh vật. - Trình bày được đặc điểm các pha sinh trưởng của quần thể vi khuẩn. - Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến sinh trưởng của vi sinh vật. - Trình bày được cơ sở | | | | 2 | | | | | | | | |

| TT | Chủ đề/ Chương | Nội dung/đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá | | | | | | | | | | | |
|----|-------------------|------------------------------------|--|----------------------------------|------|----------|---------------------|------|----------|---------------------|------|----------|---------|------|----------|
| | | | | TNKQ | | | | | | | | | Tự luận | | |
| | | | | <i>Nhiều lựa chọn</i> | | | <i>“Đúng - Sai”</i> | | | <i>Trả lời ngắn</i> | | | | | |
| | | | | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |
| | | | khoa học của việc ứng dụng vi sinh vật trong thực tiễn. - Trình bày được một số ứng dụng vi sinh vật trong thực tiễn (sản xuất và bảo quản thực phẩm, sản xuất thuốc, xử lí môi trường,...). - Kể tên được một số ngành nghề liên quan đến công nghệ vi sinh vật và triển vọng phát triển của ngành nghề đó. | | | | | | | | | | | | |
| | | | * Thông hiểu - Phân tích được vai trò của vi sinh vật trong đời sống con người và trong tự nhiên. - Phân biệt được các hình thức sinh sản ở vi sinh vật nhân sơ và vi sinh vật nhân thực. - Phân tích được triển vọng công nghệ vi sinh vật trong tương lai. | | | | | 1 | | | | | | | |
| | | | * Vận dụng - Vận dụng kiến thức đã học để giải thích tác hại của việc lạm dụng thuốc kháng sinh trong chữa bệnh cho con người và động vật. - Thực hiện được dự án hoặc đề tài tìm hiểu về các sản phẩm công nghệ vi | | | | | | 1 | | | | | | 1 |

| TT | Chủ đề/ Chương | Nội dung/đơn vị kiến thức | Yêu cầu cần đạt | Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá | | | | | | | | | | | |
|--------------|-------------------|------------------------------------|--|----------------------------------|------|----------|---------------------|------|----------|---------------------|------|----------|---------|------|----------|
| | | | | TNKQ | | | | | | | | | Tự luận | | |
| | | | | <i>Nhiều lựa chọn</i> | | | <i>“Đúng - Sai”</i> | | | <i>Trả lời ngắn</i> | | | | | |
| | | | | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng | Biết | Hiểu | Vận dụng |
| | | | sinh vật. Làm được tập san các bài viết, tranh ảnh về công nghệ vi sinh vật. | | | | | | | | | | | | |
| Tổng số câu | | | | 8 | 4 | | 4 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | | 1 | 2 |
| Tổng số điểm | | | | 3,0 | | | 2,0 | | | 2,0 | | | 3,0 | | |
| Tỉ lệ % | | | | 30 | | | 20 | | | 20 | | | 30 | | |